| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 25 /2026/QĐ-UBND | *Đắk Lắk, ngày 25 tháng 3 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số số 499/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025, Văn bản số 6434/SNNMT-CCTLPCTT ngày 26/12/2025, Văn bản số 117/SNNMT-CCTLPCTT ngày 24/02/2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý tài nguyên nước- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- Thuế tỉnh Đắk Lắk;
- TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- BQL các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

**Nguyễn Thiên Văn**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH
## Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2026/QĐ-UBND)*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trách nhiệm, sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh *(viết tắt là UBND tỉnh)*; Ủy ban nhân dân các xã, phường *(viết tắt là UBND cấp xã)* trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất và đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 của Quy định này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## Chương II
## ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

### Điều 3. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động sau đây:

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; điều tra, đánh giá số lượng, chất lượng nước mặt;

b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt;

c) Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt;

d) Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt.

2. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất theo các tỷ lệ 1:200.000; 1:100.000; 1:50.000; 1:25.000;

b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước dưới đất;

c) Điều tra, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

d) Điều tra, xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Trường hợp cần thiết thực hiện đột xuất điều tra, đánh giá tài nguyên nước để phục vụ nhiệm vụ cấp thiết trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn tỉnh và gửi kết quả kiểm kê tài nguyên nước về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

**Điều 5. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh ban hành. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp xã tổ chức thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt trong Kế hoạch; các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước có tính chất đặc thù thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt kết quả thực hiện theo quy định.

**Điều 6. Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh**

Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

## Chương III
## BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

### Điều 7. Bảo vệ nguồn nước mặt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh, bao gồm các hoạt động chủ yếu sau đây:

1. Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

2. Duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; bảo đảm lưu thông dòng chảy;

3. Phòng, chống và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; cải thiện khả năng chịu tải của nguồn nước mặt;

4. Bảo vệ các nguồn nước mặt có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng; các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch;

5. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy;

6. Bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

### Điều 8. Chức năng nguồn nước mặt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

1. Tổ chức rà soát chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh trong quy hoạch tỉnh; rà soát, cập nhật, bổ sung nội dung danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh và bao gồm các hồ được quy định tại Điều 12 của Quy định này.

2. Xem xét, điều chỉnh chức năng của các nguồn nước mặt nội tỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự thay đổi về yêu cầu bảo vệ nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Có sự thay đổi lớn về khả năng đáp ứng của nguồn nước mà chưa có biện pháp khắc phục.

3. Công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

### Điều 9. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

a) Tổ chức rà soát, điều chỉnh, công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

b) Phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch,

phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước;

c) Tổ chức xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các trường hợp không có tổ chức được giao quản lý, vận hành;

d) Xác định mốc chỉ giới và thể hiện phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa chính.

đ) Giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho UBND cấp xã để quản lý, bảo vệ;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn;

g) Cập nhật cơ sở dữ liệu về hành lang bảo vệ nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh kiểm soát, giám sát chặt chẽ các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa và phát triển du lịch.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; thể hiện mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo bản đồ địa chính;

c) Phối hợp với tổ chức, cá nhân vận hành hồ chứa thủy điện trong việc xây dựng phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện trên địa bàn và thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa, tiếp nhận mốc giới từ UBND tỉnh để quản lý, bảo vệ;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý.

**Điều 10. Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh điều tra, xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh; dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa theo thẩm quyền quản lý và tổ chức công bố, rà soát, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu theo quy định.

2. Chủ đập, hồ chứa hoặc các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa có trách nhiệm đề xuất giá trị dòng chảy tối thiểu hạ lưu đập, hồ chứa do mình đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành trong tờ đăng ký, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt hoặc đề xuất điều chỉnh dòng chảy tối thiểu theo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

**Điều 11. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt**

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Người phát hiện hành vi gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm kịp thời báo cáo cho UBND nơi gần nhất.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xác định, phê duyệt, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

4. Sở Y tế có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức quan trắc, công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương;

b) Tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước sinh hoạt theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

**Điều 12. Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo thành hồ**

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển mục đích sử dụng đối với moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ nước, cấp nước, tạo cảnh quan; cập nhật, bổ sung vào danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh và danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

**Điều 13. Bảo vệ nước dưới đất**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước. Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được xem xét, điều chỉnh định kỳ 05 năm

hoặc điều chỉnh đột xuất để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ nguồn nước.

2. Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

3. Căn cứ kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

4. Việc trám lấp giếng bị hỏng không còn sử dụng hoặc không có kế hoạch tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng và trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc trám lấp giếng, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thi công trám lấp giếng theo quy định của pháp luật.

## Chương IV

## ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

### Điều 14. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo điều hòa, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; chỉ đạo vận hành hiệu quả các công trình khai thác, sử dụng nước, các công trình tích, trữ nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên sông nội tỉnh;

2. Căn cứ kịch bản nguồn nước các lưu vực sông Srêpốk, sông Ba, sông Cầu (Sông Tam Giang), sông Bàn Thạch, hệ thống sông Kỳ Lộ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước lập, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

**Điều 15. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước**

1. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, căn cứ nguyên tắc, thứ tự ưu tiên được xác định trong quy hoạch tỉnh để hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết và ưu tiên hàng đầu cấp cho sinh hoạt, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng hiện có trên địa bàn tỉnh để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước bảo đảm nước cấp cho sinh hoạt và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; chỉ đạo huy động mọi nguồn lực để thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

3. Căn cứ kịch bản nguồn nước, đối với lưu vực sông dự báo xảy ra hạn hán, thiếu nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh.

4. Sở Khoa học Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Phương án chuyển nước lưu vực sông**

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động chuyển nước hoặc có hoạt động đào sông, kênh, mương, rạch chuyển nước ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và đời sống của Nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước có trách nhiệm đề xuất dự án chuyển nước trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận phương án. Việc chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước được thực hiện trước khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định đầu tư dự án.

2. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định đầu tư đối với các dự án có hoạt động chuyển nước hoặc có hoạt động đào sông, kênh, mương, rạch chuyển nước ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế - xã hội, môi trường và đời sống của nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều này phải căn cứ Văn bản chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 17. Điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk và lưu vực sông Ba**

Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk và lưu vực sông Ba, báo cáo UBND tỉnh

xem xét, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Điều 18. Khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã đề xuất phương án dự phòng cấp nước cho sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

**Điều 19. Khai thác tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh:

1. Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa, công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước;

2. Chỉ đạo tổ chức việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kịch bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Luật Tài nguyên nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 20. Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác nước có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân trên địa bàn phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư quy định tại điểm a khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước, bao gồm:

a) Hồ chứa, đập dâng xây dựng trên sông, suối, kênh, mương, rạch;

b) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác quy định tại điểm a khoản này với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan;

c) Công trình khai thác nước mặt không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có quy mô khai thác từ 10 $m^3$/giây trở lên cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; từ 300.000 $m^3$/ngày đêm trở lên cho mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình;

d) Công trình khai thác nước dưới đất có quy mô khai thác nước từ 12.000 $m^3$/ngày đêm trở lên.

2. Đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước theo quy định tại khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm: trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra, UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước chịu ảnh hưởng của việc khai thác nước của dự án.

3. Thời điểm lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 21. Kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

1. Các trường hợp không phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài nguyên nước mà quy mô khai thác thuộc trường hợp phải thực hiện kê khai, đăng ký, cấp phép theo quy định của Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có kế hoạch tiếp tục khai thác thì phải thực hiện trám lấp giếng hoặc tháo dỡ công trình theo quy định hiện hành.

**Điều 22. Hành nghề khoan nước dưới đất**

1. Chủ tịch UBND tỉnh cấp, gia hạn, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho các tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, cá nhân có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất trên phạm vi cả nước và được hành nghề khoan, lắp đặt các lỗ khoan, giếng khoan trong các dự án điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các công trình khoan khác.

## Chương V

## SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ VÀ PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

**Điều 23. Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả;

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều hòa, phân phối tài nguyên nước; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước.

**Điều 24. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Phê duyệt, công bố, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh.

2. Định kỳ 05 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

3. Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

Trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành hoặc UBND cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép đưa ra khỏi Danh mục.

4. Bổ sung vào danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã bảo đảm các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ, tạo cảnh quan theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Tài nguyên nước.

**Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý hồ, ao, đầm, phá nằm trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp**

1. Sử dụng đúng mục đích và không được tự ý san lấp, cải tạo;

2. Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm xây dựng công trình trái phép, xả nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh trực tiếp vào hồ, ao, đầm, phá. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh:

a) Thẩm định, phê duyệt phương án để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quy định tại pháp luật bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông nội tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông nội tỉnh.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (đặc biệt là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước) chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ;

b) Tuyệt đối không thực hiện các hành vi khai thác cát, sỏi trái phép trên sông, hồ;

c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi trên sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hoạt động khai thác) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xử lý (nếu khai thác cát, sỏi trái phép và vi phạm các quy định về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);

d) Khi phát hiện có hiện tượng sạt lở lòng bờ, bãi sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hiện tượng sạt lở) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 28. Đối với nguồn nước liên quốc gia**

UBND cấp xã tại vùng biên giới có nguồn nước liên quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi phát hiện những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước trên địa bàn quản lý.

## Chương VI

## TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

**Điều 29. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, lực lượng vũ trang**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh;

c) Xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước;

d) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh cung cấp thông tin, số liệu để xây dựng kịch bản nguồn nước; tham mưu UBND tỉnh ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, các địa phương và cơ quan có liên quan phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

e) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức giám sát tài nguyên nước theo quy định; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

g) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;

h) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước;

i) Tham mưu UBND tỉnh công tác phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước;

k) Tổng hợp, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

l) Căn cứ kịch bản nguồn nước và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Tài nguyên nước;

m) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Tài nguyên nước.

2. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

3. Sở Y tế

Phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với các dự án có các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hoạt động y tế, đảm bảo sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, không được gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy và các ảnh hưởng xấu khác đến nguồn nước.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã trình UBND tỉnh phê duyệt tổ chức xây dựng, thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

5. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ dự toán các cơ quan lập, các văn bản, định mức, quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách; tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh quy định khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính để hỗ trợ cho việc bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo liền kề;

6. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thẩm định tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan lập báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với mục đích thủy điện, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, lập Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành công nghiệp, thương mại có khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quản lý việc triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đã được phê duyệt, bao gồm hạ tầng công trình cấp nước, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành;

đ) Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

7. Công an tỉnh

a) Phối hợp xây dựng, triển khai các phương án bảo vệ an ninh, an toàn hồ chứa nước, các công trình thủy lợi trọng điểm, các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; phối hợp, tổ chức lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố, thảm họa liên quan đến nước; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực xảy ra sự cố, thảm họa liên quan đến nước theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh)

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho ngành, lĩnh vực mình phụ trách trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt về tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tổ chức triển khai nội dung liên quan đến các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa và phát triển du lịch;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

10. Thuế tỉnh Đắk Lắk

a) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện quản lý thuế tài nguyên theo quy định;

b) Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai, thực hiện việc nộp thuế tài nguyên nước, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định pháp luật về thuế tài nguyên, các quy định khác có liên quan và quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có ý kiến bằng văn bản về việc chấp hành nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh và các Sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình:

a) Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước;

b) Vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp

Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và triển khai các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp đối với nội dung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: công trình cấp nước, thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

13. Các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh

Tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

**Điều 30. UBND cấp xã**

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

2. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

3. Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

4. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

5. Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền.

6. Tổ chức cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn quản lý vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

7. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

8. Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

**Điều 31. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, mở rộng, nâng cấp mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo đạt tỷ lệ sử dụng từ công trình cấp nước theo Nghị quyết hàng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh và theo Đề án cấp nước sạch của tỉnh (nếu có). Ưu tiên việc khai thác, sử dụng nguồn nước mặt thay thế nguồn nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch tập trung nhằm góp phần bảo vệ nước dưới đất, hạn chế nguy cơ gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước dưới đất;

b) Phối hợp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối nước sạch thuộc mạng lưới cấp nước tập trung do đơn vị xây dựng, quản lý và vận hành;

c) Có trách nhiệm cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung mà đơn vị quản lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trách nhiệm của các đơn vị đầu tư, quản lý, kinh doanh hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Đối với các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đầu tư hệ thống cấp nước tập trung lấy từ nguồn nước mặt thì tiếp tục duy trì hoạt động cấp nước phục vụ cho hoạt động của khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế đảm bảo liên tục; xây dựng kế hoạch, giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước;

b) Đối với khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế chưa có mạng lưới cấp nước tập trung khẩn trương xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, đảm bảo hoàn thiện hạ tầng công trình cấp nước cho các đơn vị hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có mạng lưới cấp nước tập trung nhưng đang khai thác, sử dụng nước dưới đất khẩn trương xây dựng kế hoạch, giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước. Có giải pháp ưu tiên, thay thế sử dụng nguồn nước dưới đất bằng nguồn nước mặt để cung cấp nước cho hoạt động của khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm bảo vệ nước dưới đất, hạn chế các nguy cơ gây hạ thấp mực nước, xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 7 Điều 52 Luật Tài nguyên nước;

b) Đề xuất giá trị dòng chảy tối thiểu theo quy định.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện các quy định về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nghĩa vụ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định và theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đấu nối vào công trình cấp nước sạch tập trung để đảm bảo chất lượng cho mục đích sinh hoạt (nước dùng cho ăn uống, vệ sinh) đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

c) Kết hợp hoặc luân phiên sử dụng nước sạch khi được cung cấp với khai thác nước dưới đất, nước mưa và tuần hoàn, tái sử dụng nước nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho mục đích sử dụng về lợi ích kinh tế - xã hội, môi trường do nguồn nước mang lại;

d) Hạn chế khoan, đào mới các giếng khai thác nước dưới đất để phục vụ cho mục đích sinh hoạt tại những khu vực đã có nguồn nước sạch đảm bảo về chất lượng và số lượng;

đ) Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phục hồi, phát triển nguồn nước; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng; thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh

a) Trong quá trình hành nghề, tổ chức, cá nhân được cấp phép thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điều 33 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Trường hợp Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định trong giấy phép gây sụt, lún đất, biến dạng công trình hoặc gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, xâm nhập mặn nghiêm trọng đến nguồn nước sẽ bị đình chỉ hiệu lực của giấy phép và phải có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp Chủ giấy phép bị phát hiện giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của giấy phép sẽ bị thu hồi giấy phép.

## Chương VII
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 32. Chế độ kiểm tra, báo cáo

1. Hàng năm các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm lập báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước của cơ quan và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 để tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

2. Hàng năm trước ngày 15 tháng 01 và đột xuất theo yêu cầu, các tổ chức, cá nhân có hoạt động tài nguyên nước, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện kiểm tra theo kế hoạch được ban hành hoặc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên; các

Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan có nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về tài nguyên nước.

4. UBND cấp xã thực hiện chức năng kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn; cử người tham gia đoàn kiểm tra của cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

**Điều 33. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có nội dung không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền mới ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp xã đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.